|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG**  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ | | | |  | | | | |
| **ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN** | | | | | | | | |
|  | | | | | | | | |
| **1.** | **Thông tin học phần:** | | | | | | | |
|  | **Tên học phần:** | | **Kinh tế học nghề cá**  **Fisheries Economics** | | | | | |
|  | **Mã số:** | |  | | | | | |
|  | **Thời lượng:** | | 2(2-0) | | | | | |
|  | **Loại:** | | Tự chọn | | | | | |
|  | **Trình độ đào tạo:** | | Thạc sĩ | | | | | |
|  | **Đáp ứng CĐR:** | | 4, 5, 8 | | | | | |
|  | **Học phần tiên quyết:** | | EC501, MAT501 | | | | | |
|  | **Giảng viên biên soạn:** | | TS. Lê Kim Long | | | | | |
|  | **Bộ môn quản lý:** | | Kinh tế nông nghiệp | | | | | |
|  | | | | | | | | |
| **2.** | **Mô tả:** | | | | | | | |
|  | Học phần cung cấp cho học viên kiến thức về các lý thuyết và mô hình kinh tế sinh học ứng dụng vào hoạt động đánh bắt thuỷ sản. Từ đó, cho phép giải thích các động cơ, hành vi của các chủ thể trực tiếp và gián tiếp tham gia vào hoạt động đánh bắt thuỷ sản ở góc độ từng cá nhân (người đánh bắt, con tàu) cũng như toàn bộ nghề cá. Học phần cũng đề cập đến các khía cạnh chuẩn tắc (normative) trong việc đưa ra các gợi ý chỉ dẫn, quản lý nguồn lợi thuỷ sản, điều chỉnh, kiểm soát hoạt động đánh bắt thuỷ sản. | | | | | | | |
|  | | | | | | | | |
| **3.** | **Mục tiêu:** | | | | | | | |
|  | Học phần này nhằm mục đích cung cấp cho học viên (1) Khả năng ứng dụng kiến thức lý thuyết kinh tế vi mô vào thực tiễn của một ngành sản xuất kinh doanh liên quan đến khía cạnh sinh học và môi trường; (2) Các mô hình kinh tế-sinh học, sự tương tác giữa các tàu/đôị tàu đánh bắt đến sự tái tạo và sinh trưởng của ngư loài; và (3) Khả năng đề xuất các giải pháp, gợi ý chính sách để khai thác bền vững nguồn lợi thủy sản. | | | | | | | |
| **4.** | **Kết quả học tập mong đợi:** | | | | | | | |
|  | Sau khi học xong học phần, học viên có thể: | | | | | | | |
| 1) | Nắm vững các nguyên lý và công cụ cơ bản trong phân tích kinh tế học nghề cá; | | | | | | | |
| 2) | Vận dụng những nguyên tắc này để nhận biết, phân tích, lý giải và đề xuất các giải pháp quản lý hoạt động khai thác thủy sản trong thực tiễn;. | | | | | | | |
|  | | | | | | | | |
| **5.** | **Nội dung:** | | | | | | | |
| **TT** | **Chủ đề** | | | | | **Nhằm đạt KQHT** | **Số tiết** | |
| **LT** | **TH** |
| **1.**  1.1.  1.2.  1.3. | **Chuyên đề 1: Những vấn đề cơ bản về nghề cá, hàm sản xuất trong nghề cá**  Những vấn đề cơ bản về nghề cá  Hàm sản xuất kinh điển  Hàm sản xuất trong nghề cá | | | | | 1 | 4 | 0 |
| **2.**  2.1.  2.2.  2.3.  2.4. | **Chuyên đề 2: Mô hình kinh tế sinh học cơ bản trong nghề cá**  Cân bằng kinh tế sinh học trong nghề cá mở  Tối đa hóa lợi tức nguồn lợi  Cường lực và thuế đánh bắt  Giấy phép và hạn ngạch đánh bắt | | | | | 1, 2 | 8 | 0 |
| **3.**  3.1.  3.2.  3.3.  3.4. | **Chuyên đề 3: Mô hình Gordon-Scheafer**  Trữ lượng nguồn lợi cá là tài sản đầu tư trong dài hạn  Mô hình tăng trưởng logistic  Mô hình nghề cá mở  Tối ưu hóa kinh tế trong khai thác cá | | | | | 1, 2 | 10 | 0 |
| **4.**  4.1.  4.2.  4.3. | **Chuyên đề 4: Kinh tế học về đơn vị khai thác thủy sản (con tàu)**  Cường lực đơn vị khai thác tối ưu  Hành vi đơn vị khai thác trong dài hạn  Cường lực tối ưu và giá hạn ngạch | | | | | 1, 2 | 8 | 0 |
|  | | | | | | | | |
| **6.** | **Học liệu:** | | | |  | | | |
| 1) | Dương Trí Thảo (2009), Kinh tế học Quản lý nghề cá, NXB Khoa học và Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh | | | | | | | |
| 2) | Lee G.Anderson (1986), Kinh tế học Quản lý nghề cá, NXB The John Hopkins University- Bản dịch tiếng Việt của Dương Trí Thảo và Đoàn Nam Hải (2004), NXBNN, TP. HCM. | | | | | | | |
| 3) | Ola Flaaten, Kinh tế và Quản lý nghề cá, Bản dịch tiếng Việt của Nguyễn Thị Kim Anh và Diệp Thị Mỹ Hảo, NXB Nông Nghiệp, TP.HCM, 2007. | | | | | | | |
| **7.** | **Kiểm tra và Đánh giá:** | | | | | | | |
| **TT** | **Hình thức kiểm tra, đánh giá** | | | | **Nhằm đạt KQHT** | | **Trọng số (**%) | |
| 1. | Kiểm tra thường xuyên (lớp < 15 HV), (vấn đáp)  Hoặc kiểm tra giữa kỳ (lớp > 15 HV), (viết) | | | | 1 | | 10 | |
| 2. | Tiểu luận (viết) | | | | 1, 2 | | 20 | |
| 3. | Thi kết thúc học phần (viết) | | | | 1, 2 | | 70 | |
|  | | | | | | | | |
| **Giảng viên biên soạn:** | | | | | | | | |
| **Họ và tên** | | **Chức danh, học vị** | | | **Chữ ký** | | | |
| Lê Kim Long | | Tiến sĩ | | |  | | | |
| **Ngày cập nhật cuối cùng: 3 / 3 /2018** | | | | | | | | |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_